

BÁO CÁO
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2020

Thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của HĐND huyện Tân Biên về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương năm 2020, UBND huyện Tân Biên ban hành Quyết định số 2310/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn huyện Tân Biên, gồm:

1. Dự toán thu ngân sách trên địa bàn theo chỉ tiêu:	140.000 triệu đồng
- Thu cân đối:	141.400 triệu đồng
2. Dự toán chi ngân sách địa phương:	361.681 triệu đồng
- Chi đầu tư phát triển:	36.970 triệu đồng
- Chi thường xuyên:	316.710 triệu đồng
- Quỹ dự phòng	6.910 triệu đồng
- Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương:	1.091 triệu đồng

Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách nhà nước 3 tháng đầu năm 2020 như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH:

1. Thu ngân sách nhà nước theo chỉ tiêu:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tính vào chỉ tiêu thực hiện 3 tháng năm 2020 là 53.172/141.400 triệu đồng, đạt 37,60% so với dự toán, tăng 48,50% so với cùng kỳ. Trong đó:

- **Có 6/9 khoản thu đạt và vượt tiến độ dự toán năm 2020 (25%):** Thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước đạt 833,78% (4.169/500 triệu đồng); Thu từ quỹ đất, hoa lợi tại xã đạt 76% (114/150 triệu đồng); Thu tiền sử dụng đất đạt 75,24% (11.286/15.000 triệu đồng); Thu phí, lệ phí, phí môn bài đạt 38,42% (1.479/3.850 triệu đồng); Thu thuế công thương nghiệp đạt 33,56% (24.670/73.500 triệu đồng) (Trong đó: Thuế giá trị gia tăng đạt 22.417/66.650 triệu đồng, đạt 33,63% so với dự toán); Thu khác ngân sách đạt 32,93% (3.457/10.500) triệu đồng.

- **Có 3/9 khoản thu không đạt tiến độ dự toán năm 2020 (dưới 25%):** Thuế thu nhập cá nhân đạt 24,18% (5.151/21.300 triệu đồng); Thu lệ phí trước

bạ đạt 16,79% (2.771/16.500 triệu đồng); Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 4,31% (4/100 triệu đồng).

2. Thu cân đối ngân sách được hưởng theo phân cấp (Không bao gồm số bổ sung từ ngân sách cấp trên):

- Thu cân đối ngân sách cấp huyện: 55.540/168.011 triệu đồng, đạt 33,06% dự toán.

- Thu cân đối ngân sách cấp xã:

+ Có 6/10 xã thu cân đối đạt và vượt tiến độ dự toán năm 2020 (25%): xã Tân Phong thu đạt 52,75% (1.152/2.184 triệu đồng); xã Thạnh Bình thu đạt 52,12% (1.745/3.349 triệu đồng); Thạnh Bắc thu đạt 39,83% (272/683 triệu đồng); xã Mỹ Công thu đạt 28,41% (537/1.889 triệu đồng); Thị trấn thu đạt 26,00% (1.781/6.849 triệu đồng); xã Trà Vong thu đạt 25,31% (383/1.513 triệu đồng).

- Có 4/10 xã thu cân đối không đạt tiến độ dự toán năm 2020 (25%): xã Hòa Hiệp thu đạt 24,68% (1.993/8.074 triệu đồng); xã Tân Bình thu đạt 23,70% (286/1.207 triệu đồng); xã Thạnh Tây thu đạt 22,43% (626/2.792 triệu đồng); xã Tân Lập thu đạt 18,77% (535/2.849 triệu đồng).

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH:

Tổng chi ngân sách địa phương (bao gồm chi bổ sung cho ngân sách xã) thực hiện 3 tháng đầu năm 2020 là 142.556/400.797 triệu đồng, đạt 35,57% dự toán, tăng 56,08% so với cùng kỳ. Trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách

1.1 Chi ngân sách cấp huyện:

Thực hiện chi ngân sách cấp huyện 3 tháng năm 2020 là: 117.818/289.605 triệu đồng, đạt 40,68% dự toán, tăng 75,02% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là: 64.433 triệu đồng, đạt 179,13% dự toán, tăng 239,76% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên là: 53.385 triệu đồng, đạt 21,52% dự toán, tăng 10,41% so với cùng kỳ.

1.2. Chi ngân sách cấp xã – thị trấn:

Thực hiện chi ngân sách cấp xã, thị trấn 3 tháng năm 2020 là: 15.161 triệu đồng, đạt 21,03% dự toán, giảm 0,36% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là: 0 triệu đồng, đạt 0% dự toán.

- Chi thường xuyên là: 15.161 triệu đồng, đạt 22,08% dự toán, tăng 2,33% so với cùng kỳ.

2. Chi bổ sung ngân sách xã:

Ước thực hiện chi bổ sung ngân sách xã 3 tháng năm 2020 là 9.878 triệu đồng, đạt 24,48% so với dự toán, tăng 8,78% so với cùng kỳ.

III. Cân đối thu, chi ngân sách địa phương:

1. Tổng thu cân đối ngân sách	226.962 triệu đồng
- Thu ngân sách hưởng 100% và thu điều tiết	64.850 triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	78.953 triệu đồng
- Thu chuyển nguồn từ năm 2019 sang	83.159 triệu đồng
2. Tổng chi ngân sách	132.979 triệu đồng
- Chi từ cân đối ngân sách cấp huyện	91.379 triệu đồng
- Chi từ nguồn BSCMT từ ngân sách tỉnh	41.600 triệu đồng

IV. ĐÁNH GIÁ VỀ THU, CHI NGÂN SÁCH:

1. Về thu ngân sách:

Tình hình công tác thuế trong quý 1 có nhiều yếu tố tác động gây khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh như tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, giá cả biến động, cao su hết vụ... Nhưng xét về mặt tổng thể, thu NSNN quý 1 vẫn đạt ở mức cao, hoàn thành vượt 37,60% dự toán năm 2020, tăng 45,50% so cùng kỳ năm 2019.

Có 6/9 khoản thu đạt tiến độ dự toán bình quân 3 tháng (25%), trong đó đáng kể là thuế Công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 33,56% dự toán, đây là nguồn chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng dự toán (73.500/ 141.400 triệu đồng). Kế đến nguồn thu tiền SĐĐ chiếm 10,61% trên tổng dự toán (15.000/ 141.400 triệu đồng) đạt rất cao 75,24%. Sau đó là nguồn thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước tuy chiếm tỷ lệ không cao trong tổng dự toán, nhưng với kết quả đạt 833,78% so dự toán (4.169/500 triệu đồng) cũng góp phần nâng tỷ lệ chung so dự toán rất đáng kể.

Công tác quản lý nợ thuế đã có chuyển biến tích cực, tuy nợ cũ không giảm, nhưng đã khống chế được nợ mới. Tổng nợ thuế tạm tính đến ngày 31/3/2020 chỉ tăng 521 triệu đồng so với thời điểm 31/12/2019, chủ yếu là tăng tiền chậm nộp từ nhóm nợ khó thu.

Đạt được kết quả trên là nhờ trong tháng 3, các doanh nghiệp chế biến bột mì kê khai thuế GTGT có phát sinh dương 8,457 tỷ đồng (Cty Dương Minh Tuyên 4,613 tỷ đồng; Cty Hiền Vũ 4,572 tỷ đồng) và ông Nguyễn Đăng Thuận nộp tiền thuê đất nợ năm trước 3,563 tỷ đồng. Các đội chức năng đã phối hợp thực hiện tốt công tác quản lý kê khai, đôn đốc nộp đủ số thuế phát sinh theo kê khai vào NSNN.

2. Về chi NSNN:

Tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng chế tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định, các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán theo đúng tiến độ. Riêng chi đầu tư phát triển tăng cao so với dự toán là do ngân sách tỉnh bổ sung

cho ngân sách huyện để thanh toán khối lượng hoàn thành và đầu tư xây mới một số công trình trên địa bàn.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý 1 năm 2020 của UBND huyện Tân Biên.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính
- TT.HU;
- TT.HĐND huyện;
- Lưu VP.HĐND-UBND huyện.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Nghĩa



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Thực hiện quý I năm 2020	So sánh thực hiện với	
				Dự toán năm 2020	Cùng kỳ năm 2019
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	141.400	53.172	37,60	148,50
I	Thu nội địa	141.400	53.172	37,60	148,50
II	Thu viện trợ				
B	Thu ngân sách địa phương	366.576	226.962	61,91	165,35
I	Thu cân đối ngân sách	204.295	64.850	31,74	128,79
1	Các khoản thu huyện hưởng 100%	67.787	19.046	28,10	112,51
2	Các khoản thu phân chia ngân sách huyện theo tỷ lệ %	136.508	45.804	33,55	137,04
II	Bổ sung từ ngân sách tỉnh	160.710	78.953	49,13	127,06
1	Bổ sung cân đối	145.010	36.252	25,00	100,00
2	Bổ sung có mục tiêu	15.700	42.701	271,98	164,95
III	Thu kết dư	-	-		
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	1.571	83.159	5.293,36	
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	376.181	132.979	35,35	161,12
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	361.681	91.379	25,27	139,12
1	Chi đầu tư phát triển	36.970	30.538	82,60	352,63
2	Chi thường xuyên	316.710	60.841	19,21	106,70
3	Dự phòng ngân sách	6.910		-	
4	Chi tạo lập quỹ CCTL	1.091			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	14.500	41.600	286,90	246,90



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2020	Cùng kỳ năm 2019
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	141.400	53.172	37,60	148,50
I	Thu nội địa	141.400	53.172	37,60	148,50
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	73.500	24.670	33,56	132,12
4	Thuế thu nhập cá nhân	21.300	5.151	24,18	129,55
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	16.500	2.771	16,79	110,97
7	Thu phí, lệ phí	3.850	1.479	38,42	118,13
8	Các khoản thu về nhà, đất	15.600	15.530	99,55	218,24
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>		71		107,58
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	100	4	4,00	36,36
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	15.000	11.286	75,24	218,68
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	500	4.169	833,80	221,99
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	10.500	3.457	32,92	179,86
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	150	114	76,00	30,73
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	204.295	64.850	31,74	128,79
1	Từ các khoản thu phân chia	136.508	45.804	33,55	137,04
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	67.787	19.046	28,10	112,51

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2020	Cùng kỳ năm 2019
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	375.090	132.979	35,45	161,12
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	360.590	91.379	25,34	139,12
I	Chi đầu tư phát triển	36.970	30.538	82,60	352,63
1	Chi đầu tư cho các dự án	33.970	30.538	89,90	352,63
2	Chi đầu tư phát triển khác	3.000		-	
II	Chi thường xuyên	316.710	60.841	19,21	106,70
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	162.972	34.593	21,23	106,02
2	Chi khoa học và công nghệ	130	-	-	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1.630	441	27,06	
4	Chi văn hóa thông tin	3.187	340	10,66	69,30
5	Chi phát thanh, truyền hình	618	126	20,32	86,61
6	Chi thể dục thể thao	510	169	33,22	132,37
7	Chi bảo vệ môi trường	3.945	39	1,00	60,55
8	Chi hoạt động kinh tế	21.375	2.112	9,88	213,12
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	72.580	14.739	20,31	101,58
10	Chi bảo đảm xã hội	9.135	1.561	17,08	93,12
III	Dự phòng ngân sách	6.910	-	-	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	14.500	41.600	286,90	246,90
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	11.882		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu	-	22.013		205,63
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường x	14.500	7.705	53,14	125,40